TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 985/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2018
V/v: "Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Soan
Bà Trần Thị Thanh Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Lê Thành Phong - cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 383/2018/TLST-HNGĐ, Ngày 30 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017.

Nguyên đơn: Bà Phan Thị X, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ M, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1975; địa chỉ: Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị X trình bày: Bà Phan Thị X và ông Trần Ngọc H tự nguyện chung sống từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà X và ông H có 02 người con chung tên là

Trần Huy H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2000 và Trần Công T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008. Trong thời gian chung sống do mâu thuẫn về cách sống, quan niệm sống, cách thức làm ăn, cách nuôi dạy con, bà X và ông H nhiều lần cố gắng giải quyết nhưng không được. Nhận thấy tình cảm giữa bà X và ông H không còn, bà X yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H.

Ông H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã trình bày ý kiến trong giai đoạn chuẩn xét xử như sau:

Ông H xác nhận quan hệ chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký hết hôn và mâu thuẫn giữa hai bên như bà X đã trình bày là đúng, hiện bà X có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà X tại Tòa án, nhận thấy tình cảm giữa hai bên không còn, việc hàn gắn đời sống chung là không thể được, nên ông H đồng ý với bà X xin Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

Nếu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, hai bên cùng yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ giữa hai bên: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị X và ông Trần Ngọc H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Huy H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2000 và Trần Công T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đ (ba triệu đồng) cho cả hai con (mỗi con là 1.500.000 đồng một tháng), thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ ngày bản án có hiệu lực đến ngày con trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà X và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà X và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết không công nhận vợ chồng theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Yêu cầu xin không công nhận quan hệ vợ chồng của bà X đối với ông H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông H cư trú tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo qui định tại khoản 7 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa căn, cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[4] Về nội dung: Bà Phan Thị X và ông Trần Ngọc H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống có 02 con chung tên là Trần Huy H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2000 và Trần Công T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008. Nay bà X xin không công nhận quan hệ vợ chồng, ông H cũng đồng ý giải quyết theo yêu cầu của bà X, quan hệ pháp luật này được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét bà X và ông H không đăng ký kết hôn nên quan hệ của ông bà không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Yêu cầu của bà X cũng được sự chấp nhận của ông H, Hội đồng xét xử thấy cần tuyên xử không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị X và ông Trần Ngọc H là quan hệ vợ chồng. Do đó yêu cầu của bà X là có căn cứ để được chấp nhận theo Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Bà X vẫn giữ yêu cầu tại phiên tòa là xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Huy H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2000 và Trần Công T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đ (ba triệu đồng) cho cả hai con (mỗi con là 1.500.000 đồng một tháng), thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ ngày bản án có hiệu lực đến ngày con trưởng thành. Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà X do Trần Huy H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2000 đã trưởng thành, có thể chất và tinh thần bình thường, theo quy định của Điều 20 Bộ luật dân sự năm 2015 thì anh H đã là người thành niên, vì vậy Hội đồng xét xử không xét yêu cầu về giải quyết nuôi con là Trần Huy H của bà X tại phiên tòa. Về yêu cầu của bà X xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Công T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008 và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng mỗi tháng từ ngày bản án có hiệu lực thì được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho yêu cầu của bà X, cụ thể như sau:

[8] Về quan hệ giữa hai bên: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị X và ông Trần Ngọc H.

[9] Về con chung: Giao con chung Trần Công T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ ngày bản án có hiệu lực đến ngày con trưởng thành.

[10] Việc nuôi dưỡng, thực hiện cấp dưỡng, thăm nom con chung, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[11] Về tài sản chung, nợ chung: Bà X và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[12] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ của bà Phan Thị X và ông Trần Ngọc H là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung Trần Công T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ ngày bản án có hiệu lực đến ngày con trưởng thành.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của ông H. Nếu ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông H.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà X và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Bà X và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Bà X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0028858 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, bà Phan Thị X đã nộp đủ án phí. Ông Trần Ngọc H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn